TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **55**/2022/QĐST-HNGĐ	*Hàm Yên, ngày 14 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 45/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Chị **Vũ Thị M,** sinh năm 1970.
- Anh **Triệu Xuân Đ,** sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: Thôn 2 V, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị M với anh Triệu Xuân Đ.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 82/2004 do Ủy ban nhân dân xã Tân Thành, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 21/7/2004 cho chị Vũ Thị M với anh Triệu Xuân Đ không còn giá trị pháp lý).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Chị Vũ Thị M và anh Triệu Xuân Đ cùng xác định vợ chồng có 02 con chung là Triệu Xuân L, sinh ngày 11/01/1995 và Triệu Xuân M, sinh ngày 12/12/2008.

+ Chị Vũ Thị M và anh Triệu Xuân Đ cùng xác định đối với con chung là Triệu Xuân L, sinh ngày 11/01/1995 đã đủ 18 tuổi trưởng thành, sức khỏe phát triển bình

thường và có khả năng tự lao động được nên chị M và anh Đ cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

+ Giao con chung Triệu Xuân M, sinh ngày 12/12/2008 cho chị Vũ Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Triệu Xuân Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Vũ Thị M. Anh Triệu Xuân Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không bị ai cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

- *Về tài sản chung, đất đai chung:* Chị Vũ Thị M và anh Triệu Xuân Đ cùng xác định, quá trình chung sống vợ chồng có một số tài sản chung, đất đai chung nhưng tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- *Về vay nợ chung*: Chị Vũ Thị M và anh Triệu Xuân Đ cùng xác định vợ chồng không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- *Về án phí*:

+ Chị Vũ Thị M tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004665 ngày 03/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả lại cho chị Vũ Thị M số tiền chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

+ Anh Triệu Xuân Đ không phải nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Tân Thành (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND huyện Hàm Yên.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Tùng